

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

Bản án số: 85/2021/HSST
Ngày 27/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Thành Loan

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa
án dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Đức Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa,
tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/TLST-HS ngày 08
tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng S, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn
hóa: Lớp 12/12; Con ông Nguyễn Văn Hồng và bà Nguyễn Thị Nga; Có vợ là
Nguyễn Thị M, sinh năm 1995 và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ
sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/4/2021
đến ngày 08/4/2021, hiện tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Dương Thị Thanh C, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Chóp, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Khánh, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 85/CT-VKS-HH ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Viện
kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố Nguyễn Hồng S về tội
“Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 - Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Năm 2019, chị Dương Thị Thanh C có vay của Nguyễn Thị M (vợ Nguyễn Hồng S) số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Trong thời gian 04 tháng đầu, chị C thanh toán đầy đủ tiền lãi cho M được 10.500.000 đồng tiền lãi, sau đó chị C không có tiền nên M không yêu cầu chị C trả lãi nữa mà chỉ yêu cầu chị C trả tiền gốc. Khoảng đầu năm 2021, chị C đã trả M được 5.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng. Một thời gian sau, thấy chị C không trả tiền nên M đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại để đòi tiền chị C nhưng chị C không có tiền để trả M. Vì đòi tiền không được, M đã nói chuyện với chồng là Nguyễn Hồng S. Sau khi biết sự việc, S không bàn bạc gì với M mà nhiều lần tự gọi điện, nhắn tin đe dọa yêu cầu chị C trả tiền. Do lo sợ và bị S yêu cầu trả nợ nên chị C đã hẹn với M đến ngày 31/3/2021 sẽ trả số tiền 15.000.000 đồng. Cụ thể tối ngày 30/3/2021, S và M đến nhà C đòi tiền lúc này S vào trong nhà chị C và đe dọa “Nếu không trả tiền sẽ vứt phân vào nhà” sau đó S và M đi về. Tối ngày 31/3/2021, S và M tiếp tục đến nhà chị C đòi tiền và yêu cầu trả trước 15.000.000 đồng, chị C nói không có tiền và nói chỉ trả trước được 5.000.000 đồng nhưng S và M không đồng ý và đi về. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày S điều khiển xe mô tô cầm theo 01 túi nilon chứa khoảng 01 lít dầu lυν (dầu nhớt) đến nhà chị C, thấy đóng cửa nhà, S ném túi dầu lυν vào cửa nhà chị C sau đó đi về và tiếp tục nhắn tin cho chị C yêu cầu trả tiền. Sau đó đến sáng ngày 02/4/2021, S cùng M đi làm qua cửa nhà chị C thấy đóng cửa, S cầm 1/2 viên gạch ném 03 đến 04 cái vào cửa xếp nhà chị C, vừa ném S vừa hô yêu cầu chị C trả tiền. M cũng cầm gạch ném 01 cái vào cửa nhà chị C, sau đó S và M đi làm. Tối ngày 03/4/2021, S và M tiếp tục đến nhà C thấy đóng cửa, lúc này S và M tiếp tục cầm gạch ném 02 đến 03 cái vào cửa xếp nhà C sau đó đi về. Do liên tục bị S ném gạch, ném lυν vào cửa nhà, nhắn tin đe dọa yêu cầu trả tiền nên chị C đã nhắn tin hẹn ngày 04/4/2021 sẽ trả 5.000.000 đồng và có đơn trình báo Công an huyện Hiệp Hòa, chị C cung cấp các tin nhắn điện thoại của S nhắn tin đến đe dọa ép chị phải trả tiền chỉ chị M. Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 05/4/2020, khi S đưa M đến nhà chị C nhận 5.000.000 đồng của chị C thì bị Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang.

Cơ quan điều tra đã kiểm tra các tin nhắn trong chiếc điện thoại thu giữ của S, M. Kết quả có nhiều nội dung tin nhắn của S đe dọa yêu cầu chị C trả tiền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hồng S thừa nhận toàn bộ nội dung và diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà đã truy tố, bị cáo ăn năn hối lỗi, đã bồi thường cho người bị hại, được người bị hại viết đơn xin giảm nhẹ, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt..

Bị hại là chị Dương Thị Thanh C có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo. Tại phiên tòa chị trình bày đã được bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000đ, chị không có yêu cầu bồi thường gì nữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hiệp Hoà trước phiên toà hôm nay vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi đánh giá nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 – Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Về vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả cho chị Nguyễn Thị M 01 xe mô tô BKS 29G1 – 548.22 kèm đăng ký xe và 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max;
- Trả cho chị Dương Thị Thanh C số tiền 5.000.000đ;
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại do động Samsung Galaxy J5.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do biết chị Dương Thị Thanh C có vay tiền của Nguyễn Thị M (là vợ bị cáo) từ năm 2019, còn nợ 25.000.000 đồng không trả nên bị cáo Nguyễn Hồng S đã liên tục có lời nói, nhắn tin đe dọa, dùng dầu nhớt, gạch ném vào nhà chị C, uy hiếp tinh thần để ép chị C phải trả nợ cho M. Do bị S cưỡng ép, đe dọa nên ngày 05/4/2021, chị C đã phải miễn cưỡng đưa trả cho M số tiền 5.000.000

đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây ảnh xấu hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Mặt khác, trong vụ án này phía bị hại cũng có lỗi, đã vi phạm cam kết thỏa thuận trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gây nên bức xúc, kích động cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, việc không cách ly bị cáo không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, vì vậy, cấp áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Thị M là vợ bị cáo Nguyễn Hồng S có hành vi nhả tin và cùng S đến nhà chị C đòi tiền, ném gạch vào nhà chị C, có dấu hiệu đồng phạm với S. Ngoài ra M còn có hành vi cho chị C vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên, M không được bàn bạc, không biết việc S ném luy n đe dọa chị C trả tiền và việc M ném gạch vào cửa nhà chị C là do bức xúc việc chị C hứa trả tiền nhưng không thực hiện, khi đến đòi thì không mở cửa; Mặt khác, việc cho vay với lãi suất cao nhưng chỉ mới thu lợi bất chính được 10.500.000 đồng, bản thân M chưa có tiền án tiền sự. Việc Cơ quan điều tra không xử lý M về hành vi Cưỡng đoạt tài sản và đề nghị Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa xử phạt vi phạm hành chính đối với M về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phù hợp.

Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ tài liệu bị cáo xuất trình về việc bồi thường cho bị hại, được bị hại xác nhận tại phiên tòa về việc bị cáo cùng gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 35.000.000đ, bị hại không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại không đặt ra xem xét giải quyết nữa.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 29G1 – 548.22 kèm đăng ký xe và chiếc điện thoại di động Iphone XS Max là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M (vợ bị cáo), không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần được trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

Đối với số tiền 5.000.000đ là tiền của chị Dương Thị Thanh C đưa trả cho vợ chồng bị cáo sau khi bị cáo có hành vi đe dọa, cưỡng ép, do vậy, cần được trả lại cho chị C là bị hại trong vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 thu của bị cáo S, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần được tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- **Về án phí:** Bị cáo S không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 – Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng S 14 (mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày 27/9/2021 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng S cho UBND xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Trả cho chị Nguyễn Thị M 01 xe mô tô BKS 29G1 – 548.22 kèm đăng ký xe và 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max (đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng)

- Trả cho chị Dương Thị Thanh C số tiền 5.000.000đ;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động Samsung Galaxy J5.

*** Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu.

Chu Mạnh Hà